TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2022/ DS-ST
Ngày 26/08/2022
V/v tranh chấp HĐ mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Lê Thanh Liêm

2/ - Bà Phạm Thị Lệ Hoa

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 26 tháng 08 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2022/ TLST- DS ngày 05 tháng 05 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Mai Thị K**, sinh năm: 1963 (có mặt)

Bà **Nguyễn Thị Tuyết H**, sinh năm 1965 (Bà Nguyễn Thị Tuyết H ủy quyền lại cho bà Mai Thị K làm đại diện theo ủy quyền – Theo giấy ủy quyền ngày 03/06/2022) (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp K 4A, xã T H A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Ông **Cao Văn Q (Q)**, sinh năm 1950 (có mặt)

Bà **Phạm Thị H**, sinh ngày 1957 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp K 5B, xã T A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Mai Thị K trình bày: Nguyên trước đây tôi có bán thiếu thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng ông Cao Văn Q, bà Phạm Thị H. Sau đó đến ngày 20/4/2021 hai bên ngồi tính toán nợ với nhau, cụ thể là vợ chồng ông Cao Văn Q, bà Phạm Thị H thừa nhận còn thiếu nợ tôi tiền thức ăn chăn nuôi là 540.575.000đ (năm trăm bốn mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Ông Q, bà H có làm biên nhận nợ ngày 20/4/2020 với tôi, thỏa thuận lãi suất chậm trả giữa hai bên là 1%/1tháng. Giữa hai bên có thỏa thuận về việc trả nợ sau mỗi lần mua thiếu thức ăn chăn nuôi là đến khi bán heo xong sẽ trả hết nợ. Nhưng từ năm 2021 cho đến nay thì vợ chồng ông Q, bà H vẫn chưa trả nợ và đóng lãi cho tôi mặc dù tôi có đến nhà ông Q, bà H đòi nợ nhiều lần nhưng ông Q, bà H chỉ hứa mà không thực hiện việc trả nợ.

Nay tại phiên tòa, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp giải quyết buộc vợ chồng ông Cao Văn Q, bà Phạm Thị H trả nợ cho tôi số tiền là 540.575.000đ (năm trăm bốn mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Cao Văn Q, bà Phạm Thị H cùng trình bày: Nguyên trước đây vợ chồng tôi có mua thiếu thức ăn chăn nuôi của bà Nguyễn Thị Tuyết H và bà Mai Thị K. Sau đó đến ngày 20/4/2021 hai bên ngồi tính toán nợ với nhau, cụ thể là vợ chồng tôi còn thiếu tiền thức ăn chăn nuôi của bà Nguyễn Thị Tuyết H và bà Mai Thị K là 540.575.000đ (năm trăm bốn mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Vợ chồng tôi có làm biên nhận nợ ngày 20/4/2021 với bà Nguyễn Thị Tuyết H và bà Mai Thị K, thỏa thuận lãi suất chậm trả giữa hai bên là 1%/1tháng, vợ chồng tôi có thỏa thuận sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho bà H, bà K là sau khi bán heo xong. Do làm ăn thất bại hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng tôi không có khả năng trả tiền nợ gốc và lãi cho bà H, bà K được.

Nay tại phiên tòa, vợ chồng tôi thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Tuyết H và bà Mai Thị K số tiền gốc thức ăn chăn nuôi là 540.575.000đ (năm trăm bốn mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), do làm ăn thất bại, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng tôi xin trả dần cho bà H và bà K cụ thể như sau:

Vào ngày 05/02/2023 vợ chồng tôi sẽ trả cho bà H, bà K với số tiền gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), và tiền lãi là 61.560.000đ (sáu mươi mốt triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) chia ra hai (02) đợt trả trong một (01) năm.

Vào ngày 05/02/2024 vợ chồng tôi sẽ trả bà H, bà K với số tiền gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), và tiền lãi là 50.160.000đ (năm mươi triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) chia ra hai (02) đợt trả trong một (01) năm.

Vào ngày 05/02/2025 vợ chồng tôi sẽ trả bà H, bà K với số tiền gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), và tiền lãi là 38.760.000đ (ba mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) chia ra hai (02) đợt trả trong một (01) năm.

Vào ngày 05/02/2026 vợ chồng tôi sẽ trả bà H, bà K với số tiền gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và tiền lãi là 27.360.000đ (hai mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) chia ra hai (02) đợt trả trong một (01) năm.

Vào ngày 05/02/2027 vợ chồng tôi sẽ trả bà H, bà K với số tiền gốc là 140.000.000đ (một trăm triệu đồng), và tiền lãi là 15.960.000đ (mười lăm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) chia ra hai (02) đợt trả trong một (01) năm là hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H, bà Mai Thị K với bị đơn ông Cao Văn Q, bà Phạm Thị H là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Mai Thị K yêu cầu vợ chồng ông Cao Văn Q, bà Phạm Thị H trả nợ cho bà Nguyễn Thị Tuyết H, bà Mai Thị K số tiền gốc thức ăn chăn nuôi là 540.575.000đ (năm trăm bốn mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì nguyên vào lúc trước bà Nguyễn Thị Tuyết H, bà Mai Thị K có bán thiếu thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng ông Cao Văn Q, bà Phạm Thị H số tiền gốc là 540.575.000đ (năm trăm bốn mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), thỏa thuận lãi suất chậm trả là 1%/1 tháng, sau đó đến ngày 20/4/2021 hai bên ngồi tính toán nợ với nhau, cụ thể là vợ chồng ông Q, bà H thừa nhận còn thiếu nợ của bà H, bà K số tiền gốc thức ăn chăn nuôi là 540.575.000đ (năm trăm bốn mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), lúc đó vợ chồng ông Q, bà H có làm biên nhận nợ với bà H, bà K vào ngày 20/4/2021, và vợ chồng ông Q, bà H có thỏa thuận với bà H, bà K là sau khi bán heo xong vào ngày 20/05/2021 sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho bà H, bà K. Đến hạn trả nợ thì vợ chồng ông Q, bà H không có đóng lãi và trả tiền gốc cho bà H, bà K và bà H, bà K nhiều lần đến nhà vợ chồng ông Q, bà H đòi nợ nhưng vợ chồng ông Q, bà H chỉ hứa chứ không trả nợ cho bà H, bà K.

Nay tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Tuyết H, bà Mai Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn vợ chồng ông Cao Văn Q, bà Phạm Thị H trả nợ cho bà Nguyễn Thị Tuyết H, bà Mai Thị K số tiền gốc thức ăn chăn nuôi là 540.575.000đ (năm trăm bốn mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Lời yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết H, bà Mai Thị K phù hợp với Điều 430, Điều 440, Điều 357 và Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Như vậy số tiền lãi trong vụ kiện này tính từ ngày 21/04/2021 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 26/08/2022 là 490 ngày cụ thể như sau: 540.575.000đ x 1% x 490 ngày = 88.293.916đ tính tròn là 88.294.000đ (tám mươi tám triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 628.869.000đ (sáu trăm hai mươi tám triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

[3] Xét yêu cầu của bị đơn vợ chồng ông Cao Văn Q, bà Phạm Thị H thì vợ chồng ông Q, bà H thừa nhận nợ bà H, bà K tiền thức ăn chăn nuôi tính đến ngày 20/04/2021 số tiền gốc là 540.575.000đ (năm trăm bốn mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), vợ

chồng ông Q, bà H có làm biên nhận nợ ngày 20/04/2021 với bà H, bà K, thỏa thuận lãi suất chậm trả giữa hai bên là 1%/1tháng, vợ chồng ông Q, bà H có thỏa thuận với bà H, bà K là sau khi bán heo xong vào ngày 20/05/2021 sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho bà H, bà K. Đến hạn trả nợ thì vợ chồng ông Q, bà H không có đóng lãi và trả nợ gốc cho bà H, bà K, vì hiện nay kinh tế gia đình vợ chồng ông Q, bà H gặp khó khăn nên không trả được nợ cho bà H, bà K.

Nay tại Tòa án vợ chồng ông Q, bà H thừa nhận còn nợ bà H, bà K số tiền gốc thức ăn chăn nuôi là 540.575.000đ (năm trăm bốn mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), vợ chồng ông Q, bà H xin được trả nợ dần cho bà K, bà H cụ thể như sau:

Vào ngày 05/02/2023 vợ chồng ông Q, bà H sẽ trả cho bà H, bà K với số tiền gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), và tiền lãi là 61.560.000đ (sáu mươi mốt triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) chia ra hai (02) đợt trả trong một (01) năm.

Vào ngày 05/02/2024 vợ chồng ông Q, bà H sẽ trả bà H, bà K với số tiền gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), và tiền lãi là 50.160.000đ (năm mươi triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) chia ra hai (02) đợt trả trong một (01) năm.

Vào ngày 05/02/2025 vợ chồng ông Q, bà H sẽ trả bà H, bà K với số tiền gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), và tiền lãi là 38.760.000đ (ba mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) chia ra hai (02) đợt trả trong một (01) năm.

Vào ngày 05/02/2026 vợ chồng ông Q, bà H sẽ trả bà H, bà K với số tiền gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và tiền lãi là 27.360.000đ (hai mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) chia ra hai (02) đợt trả trong một (01) năm.

Vào ngày 05/02/2027 vợ chồng ông Q, bà H sẽ trả bà H, bà K với số tiền gốc là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng), và tiền lãi là 15.960.000đ (mười lăm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) chia ra hai (02) đợt trả trong một (01) năm là hết nợ là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì lời yêu cầu của vợ chồng ông Q, bà H xin trả nợ dần cho bà H, bà K thì bà K không đồng ý. Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa

án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có xem xét.

Chính vì vậy Hội đồng xét xử bác lời khai nại của ông Cao Văn Q, bà Phạm Thị H.

[4] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết H, bà Mai Thị K được chấp nhận nên bà H, bà K không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà H, bà K số tiền là 12.811.500 đồng (mười hai triệu tám trăm mười một nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0006372 ngày 22/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc ông Cao Văn Q, bà Phạm Thị H phải nộp: {20.000.000đ + (4% x 228.869.000đ)} = 29.154.760đ tính tròn là 29.155.000đ (hai mươi chín triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 357, Khoản 1 Điều 468 Bộ Luật Dân Sự năm 2015, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H, bà Mai Thị K.

3/ Bác lời khai nại của bị đơn ông Cao Văn Q, bà Phạm Thị H.

4/ Buộc ông Cao Văn Q, bà Phạm Thị H trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết H, bà Mai Thị K số tiền gốc và lãi là 628.869.000đ (sáu trăm hai mươi tám triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Cao Văn Q, bà Phạm Thị H nộp 29.155.000đ (hai mươi chín triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Tuyết H, bà Mai Thị K số tiền là 12.811.500 đồng (mười hai triệu tám trăm mười một nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0006372 ngày 22/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà Mai Thị K và ông Cao Văn Q, bà Phạm Thị H biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *TAND tỉnh Kiên Giang .*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật